

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách Nhà nước Quý 2 năm 2024
của Trường Mầm non Hướng Dương**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HƯỚNG DƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Quyết định số 13235/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách Nhà nước quý 2 năm 2024 của Trường Mầm non Hướng Dương (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, được niêm yết tại bản tin Trường từ ngày 10/7/2024 đến ngày 10/8/2024

Điều 3. Tổ Kế toán - Văn thư và các Tổ có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PTCKH;
- Lưu: VT, 2b.



HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Kim Loan

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2 NĂM 2024

(Đính kèm Quyết định số: 230/QĐ-MNHD ngày 10 tháng 7 năm 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Mầm non Hướng Dương công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 2 năm 2024 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 2/2024 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
1.1.	Lệ phí				
1.2	Phí				
1.3	Thu sự nghiệp				
1.3.1	Thu học phí	365	80		
	Thu học phí	365	80	22%	51%
1.3.2	Thu thỏa thuận	4072	614		
1	Anh văn	233	49	21%	110%
2	Nhịp điệu	192	42	22%	113%
3	Vẽ	192	42	22%	113%
4	Phục vụ bán trú và vệ sinh bán trú	2626	301	11%	116%
5	Thu theo NQ04 (NVND)	414	92	22%	121%
6	Phục vụ ăn sáng	414	86	21%	112%
7	Tổ chức nuôi dạy trẻ Mn trong hè	352	24	7%	0%
1.3.3	Thu hộ	3230	645		
1	Ăn sáng học sinh	792	154	59%	125%
2	Ăn trưa học sinh	2286	476	21%	121%
3	Nước khoáng	61	14	23%	116%
4	Học phẩm	91	0	0%	0%
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				

3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
3.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
					
3.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
3.3	Chi sự nghiệp				
3.3.1	Chi học phí	365	55	15%	46%
3.3.2	Chi thỏa thuận	4072	503		
1	Anh văn	233	0	0%	0%
2	Nhịp điệu	192	45	23%	112%
3	Vẽ	192	43	22%	116%
4	Phục vụ bán trú	2626	255	10%	99%
5	Thu theo NQ04 (NVND)	414	93	22%	185%
6	Phục vụ ăn sáng	414	67	16%	63%
7	Tổ chức nuôi dạy trẻ Mn trong hè	352	0		
3.3.3	Chi hộ	3230	633		
1	Ăn sáng học sinh	792	143	18%	102%
2	Ăn trưa học sinh	2286	459	20%	113%
3	Nước khoáng	61	19	30%	126%
4	Học phẩm	91	13	14%	0%
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (N.13)	6.683	761		
6000	Tiền lương	1.994	359	18%	92%
6100	Phụ cấp lương	2.005	197	10%	66%
6300	Các khoản đóng góp	424	98	23%	93%
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	450	-	0%	0%
6550	Vật tư văn phòng	150	24	16%	266%
6750	Chi phí thuê mướn	1.456	83	6%	100%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (12)	498	498		
6150	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên	323	323	100%	207%
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	126	126	100%	0%
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	49	49		
3.3	Kinh Phí cải cách lương (N.14)	671	671		
6000	Tiền lương	75	75	100%	0%
6100	Phụ cấp lương	41	41	100%	0%
6300	Các khoản đóng góp	20	20	100%	0%
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	535	535	100%	0%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				

7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				

Kế toán

[Signature]

Lê Thị Yến Nhi



Thủ trưởng đơn vị

Lê Thị Kim Loan

